Ký bởi: Văn phòng Ủy ban Nhân dân
Thời gian ký: 03/11/2017 16:28:04

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 4208 /QĐ-UBND	*Thanh Hoá, ngày 03 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Lắp đặt hệ thống bơm va tại thôn Dín, xã Xuân Thắng, Thường Xuân

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Lắp đặt hệ thống bơm va tại thôn Dín, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5969/SXD-HĐXD ngày 26/10/2017 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Lắp đặt hệ thống bơm va tại thôn Dín, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa; của Trưởng Ban Dân tộc tại Tờ trình số 24/TTr-BDT ngày 18/10/2017 (kèm theo hồ sơ dự án),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa, nâng cấp công trình bơm va tại thôn Dín, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Lắp đặt hệ thống bơm va tại thôn Dín, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

3. Chủ đầu tư: Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

5. Quy mô đầu tư:

5.1. Cụm lấy nước đầu mối: Xây dựng đập dâng nước, hố thu nước, bể đặt bơm va.

Đập dâng nước: Đập có có mặt cắt dạng hình thang, kết cấu bê tông đá 1x2 mác 200# . Sân trước, sân tiêu năng, tường cánh bê tông đá 1x2 mác 200#.

Hố thu nước: Kích thước 3,15x1,0x1,2m; kết cấu tường, đáy hố thu bằng bê tông đá 1x2 mác 200#. Nắp đậy bằng BTCT đá 1x2 mác 200# dày 10cm, lưới chắn rác bằng thép tròn.

Bể đặt bơm va: Bể có mặt bằng hình chữ V, rộng 2,0m. Đáy bể bằng BTCT đá 1x2 mác 200# dày 30cm, thành bể xây gạch chỉ trát hoàn thiện. Bên trong bể đặt 12 bơm va.

Tuyến đường ống dâng nước từ đập dâng về bể đặt bơm va sử dụng ống thép không rỉ D75. Trên tuyến sử dụng các trụ dỡ ống bằng bê tông đá 1x2 mác 200#.

5.2. Đường ống phân phối, bể lắng, bể chứa.

Tuyến ống dẫn nước sử dụng ống HDPE D63 dẫn nước từ bơm va đến bể lắng và tuyến đường ống HDPE D63 dẫn nước từ bể lắng đến các bể chứa, xây dựng mốc báo hiệu đường ống.

Bể lắng (01 bể): Mặt bằng hình vuông, kích thước 5,44x5,44m. Bể gồm 03 ngăn: ngăn lắng nước vào, ngăn lọc và ngăn hút nước ra. Đáy bể bằng BTCT đá 1x2 mác 200# dày 25cm, lót bê tông đá 4x6 mác 100#. Thành bể xây gạch chỉ VXM mác 75#, trát hoàn thiện, giằng tường BTCT đá 1x2 mác 200#.

Bể chứa (02 bể): Mặt bằng hình chữ nhật, kích thước 2,5x1,7m. Đáy bể bằng BTCT đá 1x2 mác 200# dày 20cm, lót bê tông đá 4x6 mác 100#. Thành bể xây gạch chỉ VXM mác 75#, trát hoàn thiện, nắp đậy bằng BTCT đá 1x2 mác 200# dày 8cm. Sân bể bê tông đá 1x2 mác 200#, bê tông lót đá 4x6 mác 100#.

Hố van: Kích thước 1,04x1,24x0,65m. Đáy hố van bê tông đá 1x2 mác 200#, bê tông lót đá 4x6 mác 100#, tấm đan BTCT đá 1x2 mác 200# dày 8cm.

5.3. Thiết bị: Đầu tư 12 bơm va có khả năng dẫn nước lên cao để bơm cho bể lắng.

6. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 1.297.954.000đ (Bằng chữ: Một tỷ, *hai trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 705.098.000 đồng.
- Chi phí thiết bị: 369.600.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 26.994.460 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT: 91.480.060 đồng.
- Chi phí khác: 42.974.034 đồng.
- Chi phí dự phòng: 61.807.328 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

7. Nguồn vốn: Nguồn vốn kết dư thuộc chương trình 134 giai đoạn 2005-2014.

8. Hình thức quản lý dự án: Theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Thanh Hóa; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch Phạm Đăng Quyền;
- Phó CVP Phạm Đình Minh;
- Lưu: VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Lắp đặt hệ thống bơm và tại thôn Dín, xã Xuân Thắng, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: 4208/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	KHOẢN MỤC CHI PHÍ	KÝ HIỆU	CÁCH TÍNH	THÀNH TIỀN
I	**CHI PHÍ XÂY DỰNG**	Gxd		705,098,000
1	Cụm lấy nước đầu mối		Dự toán chi tiết	182,249,000
2	Tuyến đường ống		nt	522,849,000
II	**CHI PHÍ THIẾT BỊ**		Tạm tính	369,600,000
III	**CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**	Gqlda	$(G_{XD+TB})^{trước\ VAT}$ x 2.763%	26,994,460
IV	**CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**	Gtv		91,480,060
1	Chi phí khảo sát địa hình			19,417,000
2	Chi phí lập báo cáo kinh tế kỹ thuật		$G_{XD}^{trước\ VAT}$ x 5.800%	40,895,684
3	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC		Mức tối thiểu	2,200,000
4	Chi phí thẩm tra dự toán		Mức tối thiểu	2,200,000
5	Chi phí lập HSMT & đánh giá HSDT xây lắp		$G_{XD}^{trước\ VAT}$ x 0.388%	2,735,780
6	Chi phí giám sát thi công XD		$G_{XD}^{trước\ VAT}$ x 2.566%	18,092,815
7	Chi phí giám sát đánh giá dự án đầu tư		20% x Gqlda	5,938,781
V	**CHI PHÍ KHÁC**	Gk		42,974,034
1	Chi phí bảo hiểm công trình		$G_{XD+TB}^{trước\ VAT}$ x 0.300%	3,224,094
2	Chi phí hạng mục chung		$G_{XD}^{trước\ VAT}$ x 3.000%	21,152,940
3	Lệ phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật		TMĐT x 0.019%	247,000
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán		TMĐT x 0.950%	12,350,000
5	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu		Mức tối thiểu	1,000,000
6	Chi phí kiểm tra của cơ quan QLNN (Tạm tính)		Theo văn bản số 2814/BXD-GĐ ngày 30/12/2013)	5,000,000
VI	**CHI PHÍ DỰ PHÒNG**	G_{DP}		61,807,328
1	Chi phí dự phòng		(I+II+III+IV+V) x 5%	61,807,328
	TỔNG CỘNG			1,297,953,882
	LÀM TRÒN			1,297,954,000